

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **5200** /CT-CS

Hà Nội, ngày **24** tháng **7** năm 2026

V/v trả lời công văn số
20/CV/2026

Kính gửi: Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam.

Cục Thuế nhận được công văn số 20/CV/2026 ngày 23/6/2026 của Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KoCham). Về vấn đề này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Hoàn thuế giá trị gia tăng trong giai đoạn đầu tư và trong quá trình hoạt động xuất khẩu

Cơ quan thuế đang tập trung rà soát, phân loại và đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ ngay từ khâu kê khai, hạn chế việc phải bổ sung, giải trình nhiều lần.

Đối với hồ sơ đầy đủ, đáp ứng điều kiện hoàn thuế và có mức độ rủi ro thấp, cơ quan thuế thực hiện giải quyết kịp thời, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Đối với hồ sơ có dấu hiệu rủi ro về hóa đơn, nguồn gốc hàng hóa, giao dịch hoặc dòng tiền, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, xác minh trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Từ ngày 01/7/2026, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 có hiệu lực thi hành. Ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh điện tử hóa quy trình hoàn thuế, công khai, minh bạch thủ tục; nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế và công chức thuế trong từng khâu xử lý; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối và khai thác dữ liệu từ các cơ quan có liên quan nhằm rút ngắn thời gian kiểm tra, xác minh và giải quyết hồ sơ, đồng thời bảo đảm quản lý rủi ro, phòng, chống gian lận hoàn thuế.

2. Xác định tiền thuê đất đối với dự án đầu tư

Căn cứ tại điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ) quy định về trách nhiệm của cơ quan thuế như sau:

"Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan và người sử dụng đất

...

3. Cơ quan thuế:

a) Căn cứ quy định tại Nghị định này và Phiếu chuyển thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai và các cơ quan khác chuyển đến, thực hiện tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (bao gồm cả tiền thuê đất có mặt nước, tiền thuê đất để xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này); tiền đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 34; khoản tiền bổ sung theo quy định tại Điều 15, khoản 4 Điều 30, khoản 2 Điều 50, khoản 9 Điều 51; số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn, giảm phải thu hồi theo quy định tại Điều 17, Điều 38 Nghị định này; số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được giảm và thông báo cho người sử dụng đất theo quy định tại Nghị định này.

..."

Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc xác định số tiền thuê đất phải nộp đã được quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP nêu trên, dựa trên cơ sở phiếu chuyển thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai và các cơ quan khác chuyển đến.

Do nội dung kiến nghị của KOCHAM chưa nêu rõ trường hợp và vướng mắc cụ thể, đề nghị KOCHAM cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan để Cục Thuế có cơ sở rà soát, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

3. Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

Về nội dung này, Cục Thuế đã có Công văn số 4425/CT-CS ngày 01/7/2026 trả lời KOCHAM. Cục Thuế gửi kèm bản sao công văn nêu trên để KOCHAM nghiên cứu, phổ biến đến các doanh nghiệp thành viên thực hiện theo quy định.

4. Nguyên vật liệu được cung cấp không phải thanh toán (FOC)

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về thu nhập chịu thuế;

Căn cứ khoản 9 Điều 23 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ quy định nêu trên, quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật hoặc dưới dạng dịch vụ; hàng hóa nhận được không phải thanh toán; thu nhập nhận được bằng tiền, bằng hiện vật hoặc dưới dạng dịch vụ từ các nguồn tài trợ, trừ các khoản được loại trừ theo quy định; các khoản hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí, chiết

khấu thanh toán, thưởng khuyến mại và các khoản hỗ trợ khác được xác định là thu nhập khác. Các khoản thu nhập này không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 9 Điều 23 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

Việc xác định nguyên vật liệu FOC có thuộc thu nhập chịu thuế và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hay không phải căn cứ bản chất giao dịch, hợp đồng và thỏa thuận giữa các bên, quyền sở hữu đối với nguyên vật liệu, mục đích sử dụng, việc hạch toán kế toán và hồ sơ, chứng từ có liên quan.

5. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

Căn cứ tại khoản 3 Điều 31 Luật Quản lý thuế năm 2025 quy định về nguyên tắc thực hiện APA có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Theo đó, việc thực hiện cơ chế APA được hoàn thiện theo hướng minh bạch, có đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thu thập, khai thác và sử dụng thông tin phục vụ quá trình thẩm định, phân tích và xây dựng phương án đàm phán APA. Nguồn thông tin được sử dụng bao gồm thông tin do người nộp thuế cung cấp; cơ sở dữ liệu thương mại, cơ sở dữ liệu quản lý thuế; thông tin công khai trên thị trường chứng khoán; thông tin từ các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế; thông tin do các bộ, ngành, cơ quan nhà nước cung cấp; thông tin được thu thập thông qua cơ chế hợp tác quốc tế về thuế và các nguồn thông tin hợp pháp khác theo quy định.

Quy định này là cơ sở để cơ quan thuế đánh giá giao dịch liên kết, lựa chọn đối tượng so sánh, xác định phương pháp xác định giá giao dịch liên kết phù hợp và xây dựng phương án đàm phán APA với người nộp thuế, cơ quan thuế nước ngoài có liên quan.

Việc lựa chọn và sắp xếp thứ tự xử lý hồ sơ APA được thực hiện theo các tiêu chí khách quan, thống nhất và minh bạch, căn cứ mức độ đầy đủ của hồ sơ, tính chất giao dịch, thời gian đề nghị áp dụng APA, khả năng phối hợp với cơ quan thuế đối tác và nguồn lực thực hiện. Do đó, việc ưu tiên xử lý hồ sơ chỉ trên cơ sở quốc tịch của nhà đầu tư hoặc tư cách thành viên của một hiệp hội doanh nghiệp là chưa phù hợp với nguyên tắc quản lý thống nhất, khách quan và công bằng giữa những người nộp thuế đề nghị áp dụng cơ chế APA.

6. Lao động thuê ngoài

Về chính sách thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê lại lao động, Cục Thuế đã có Công văn số 3705/CT-CS ngày 05/6/2026 trả lời Thuế tỉnh Phú Thọ. Cục Thuế gửi kèm bản sao công văn nêu trên để KOCHAM nghiên cứu, phổ biến đến các doanh nghiệp thành viên thực hiện theo quy định.

Đối với vướng mắc liên quan đến điều kiện, phạm vi hoạt động và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, đề nghị KOCHAM liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về lao động có thẩm quyền để được hướng dẫn.

Cục Thuế có ý kiến đề Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam được biết./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Cao Anh Tuấn (để b/c);
- Phó CTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Các đơn vị CT: PC, NVT;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS. ✓ 5

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ**



Nguyễn Thị Thanh Hằng



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **4425**/CT-CS
V/v thuế giá trị gia tăng

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam.

Cục Thuế nhận được văn bản số 0414/KC-CT ngày 13/4/2026, 0416/KC-CT ngày 16/4/2026, 0416/KC-BTC ngày 16/4/2026 của Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KOCHAM) về thuế giá trị gia tăng (GTGT). Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về nguyên tắc áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%

Theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% khi đáp ứng đầy đủ điều kiện về hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; chứng từ thanh toán qua ngân hàng; tờ khai hải quan và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, pháp luật về hải quan và pháp luật có liên quan.

Đối với các giao dịch phát sinh trước ngày 01/7/2025, việc xác định hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài và được chỉ định giao, nhận tại Việt Nam có thuộc trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hay không được thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh giao dịch, trong đó có Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Luật Quản lý ngoại thương và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định tờ khai hải quan không phù hợp với quy định về xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hoặc giao dịch không đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì cơ quan thuế không có cơ sở giải quyết hoàn thuế theo thuế suất thuế GTGT 0%.

Từ ngày 01/7/2025, Luật số 90/2025/QH15 đã bổ sung Điều 47a vào Luật Hải quan, quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài; đồng thời sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Thuế GTGT về hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%, trong đó có hàng hóa xuất khẩu tại chỗ. Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ cũng đã sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan để hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Các quy định này được áp dụng theo hiệu lực thi hành của văn bản pháp luật và không làm thay đổi nguyên tắc xử lý đối với các giao dịch đã phát sinh trước thời điểm có hiệu lực, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý hồ sơ hoàn thuế GTGT của doanh nghiệp

Thẩm quyền quyết định hoàn thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, đối chiếu điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và quyết định hoàn thuế theo từng hồ sơ cụ thể.

Các văn bản của KOCHAM chủ yếu nêu kiến nghị chính sách và số liệu tổng hợp về số thuế GTGT dự kiến bị tác động, chưa kèm theo hồ sơ cụ thể của từng doanh nghiệp. Vì vậy, Cục Thuế chưa có cơ sở để kết luận chung việc áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% hoặc xử lý hoàn thuế đối với toàn bộ các trường hợp nêu tại văn bản của KOCHAM.

Đối với từng doanh nghiệp hội viên, trường hợp hồ sơ cụ thể thể hiện hàng hóa đã đáp ứng điều kiện hàng hóa xuất khẩu, điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và điều kiện hoàn thuế theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh giao dịch thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp cần xác minh tính hợp lệ của tờ khai hải quan, tình trạng hàng hóa đưa vào kho ngoại quan, hoặc nội dung liên quan đến thủ tục hải quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để có căn cứ xử lý theo quy định.

Đối với các trường hợp đã có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền, việc xem xét tiếp theo (nếu có) được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về khiếu nại và pháp luật có liên quan.

3. Trong thời gian qua, Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) đã có các công văn hướng dẫn cơ quan thuế địa phương về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, trong đó có công văn số 558/TCT-CS ngày 20/02/2024. Cục Hải quan cũng đã có công văn số 4694/TCHQ-GSQL ngày 01/10/2024 trao đổi về cơ sở xác định thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và việc phối hợp giữa cơ quan hải quan địa phương với cơ quan thuế địa phương trong xác định, xác minh tính hợp lệ của tờ khai hải quan.

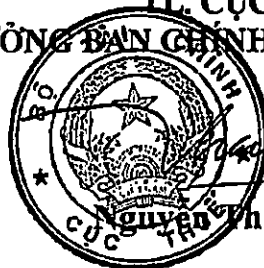
Cục Thuế đề nghị KOCHAM thông báo các doanh nghiệp hội viên liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến từng giao dịch, từng kỳ hoàn thuế để được xem xét, giải quyết theo đúng quy định và đúng thẩm quyền. Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền, cơ quan thuế địa phương tổng hợp, báo cáo Cục Thuế để được hướng dẫn hoặc phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính hướng dẫn theo quy định.

Cục Thuế có ý kiến đề Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam biết và phối hợp thực hiện. / *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó CTr. Đặng Ngọc Minh;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS. *th*

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ



Nguyễn Thị Thanh Hằng



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3705 /CT-CS

V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026.

Kính gửi: Thuế tỉnh Phú Thọ.

Trả lời công văn số 2025/PTH-QLDN5 và công văn số 2931/PTH-QLDN1 của Thuế tỉnh Phú Thọ về chính sách thuế, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Quy định về chính sách về lao động:

Điều 52 và Điều 53 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 về cho thuê lại lao động và nguyên tắc hoạt động cho thuê lại lao động;

Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động về quy định về doanh nghiệp cho thuê lại lao động, về bên thuê lại lao động, về thu hồi giấy phép;

Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định danh mục 20 công việc được thực hiện cho thuê lại lao động, trong đó có công việc "Sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông";

Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (có hiệu lực từ 15/11/2025).

2. Quy định về chính sách thuế và hóa đơn:

Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (có hiệu lực từ 01/10/2025);

Điều 9, Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế và các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (có hiệu lực từ kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025);

Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC) của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;

Điều 13, Điều 14 và Điều 16 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 về các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế, về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, về hóa đơn, chứng từ (có hiệu lực từ 01/7/2025);

Điểm b khoản 1 Điều 14 và khoản 15 Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng về nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng và khấu trừ thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực từ 01/7/2025);

Điểm d khoản 7 Điều 5 và Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào;

Điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) quy định về lập hóa đơn;

Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) về nguyên tắc lập hóa đơn;

Điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Căn cứ quy định nêu trên, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Về vướng mắc của Thuế tỉnh Phú Thọ liên quan đến hoạt động cho thuê lại lao động, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ) đã có công văn số 515/CTL&BHXH-CSLĐ ngày 31/3/2026, Bộ Khoa học công nghệ đã có công văn số 1990/BKHCN-KHTC ngày 02/04/2026 phúc đáp công văn số 1543/CT-CS ngày 17/3/2026 của Cục Thuế (bản photocopy đính kèm).

Về lập hóa đơn, đề nghị Thuế tỉnh Phú Thọ căn cứ pháp luật từng thời kỳ, hợp đồng và hồ sơ thực tế liên quan để hướng dẫn xử lý theo quy định.

Về thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp: Đề nghị Thuế tỉnh Phú Thọ căn cứ ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ) và căn cứ quy định của pháp luật từng thời kỳ, hợp

đồng, hồ sơ thực tế để xem xét có đủ điều kiện khấu trừ, hoàn thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định và xác định chi phí được trừ và không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

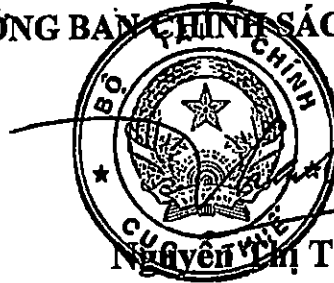
Trường hợp doanh nghiệp có các khoản chi phí mà khoản chi này vi phạm pháp luật chuyên ngành thì không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 23 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP của Chính phủ, việc kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

Cục Thuế có ý kiến đề Thuế tỉnh Phú Thọ được biết ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó CTTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Cục CST, Vụ PC-BTC;
- Ban PC, NVT, KT;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ



Nguyễn Thị Thanh Hằng



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1543 /CT - CS
V/v chính sách thuế và hóa
đơn đối với cho thuê lại lao
động

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Kính gửi:

HÒA TÀI

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Khoa học và công nghệ;
- Cục Thống kê-Bộ Tài chính.

Trong quá trình quản lý thuế, Cục Thuế nhận được vướng mắc về chính sách thuế và hóa đơn đối với hoạt động cho thuê lại lao động. Cục Thuế xin được trao đổi với Quý Bộ, Quý Cục như sau:

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Về chính sách thuế đối với hoạt động cho thuê lại lao động

Căn cứ Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (có hiệu lực từ 01/10/2025);

Căn cứ Điều 9, Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế và các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (có hiệu lực từ kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025);

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC) của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;

Căn cứ Điều 13, Điều 14 và Điều 16 Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 về các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế, về khấu trừ thuế GTGT đầu vào, về hóa đơn, chứng từ (có hiệu lực từ 01/7/2025);

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng về nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực từ 01/7/2025);

Căn cứ điểm d khoản 7 Điều 5 và Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng về các trường

hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) quy định về lập hóa đơn;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) về lập hóa đơn (có hiệu lực từ 01/7/2022);

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (có hiệu lực từ 01/6/2025).

1.2 Về chính sách lao động:

Căn cứ Điều 52 và Điều 53 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 về cho thuê lại lao động và nguyên tắc hoạt động cho thuê lại lao động;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động về quy định về doanh nghiệp cho thuê lại lao động, về bên thuê lại lao động, về thu hồi giấy phép;

Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định danh mục 20 công việc được thực hiện cho thuê lại lao động, trong đó có công việc "Sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông";

Căn cứ Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Căn cứ Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (có hiệu lực từ 15/11/2025).

Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP thì 20 công việc được thực hiện cho thuê lại lao động, trong đó có công việc "sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông". Những công việc không thuộc Phụ lục II nêu trên thì không được cho thuê lại lao động và bên thuê lại lao động không được sử dụng lao động vào các công việc ngoài danh mục nêu trên.

Phụ lục I và phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 nêu trên thì hoạt động "sản xuất linh kiện điện tử" và hoạt động "sản xuất thiết bị truyền thông" có cùng mã ngành cấp 2 (mã 26). Tuy nhiên, 02 hoạt động này lại khác ngành cấp 3 (hoạt động "sản xuất linh kiện

điện tử" có mã ngành cấp 3 là 261 và hoạt động "sản xuất thiết bị truyền thông" có mã ngành cấp 3 là 263.)

Để có cơ sở xác định doanh nghiệp thực hiện hoạt động cho thuê lại lao động và thuê lại lao động theo đúng quy định tại Luật lao động và làm cơ sở cho việc xác định thuế GTGT, hóa đơn, thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê lại lao động, Cục Thuế đề nghị Quý Bộ, Quý Cục có ý kiến về hoạt động "sản xuất linh kiện điện tử" nêu trên có được xác định thuộc danh mục 20 công việc được thực hiện cho thuê lại lao động quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP hay không?

Ý kiến tham gia bằng văn bản của Quý Bộ xin gửi về Cục Thuế trước ngày 20./03/2026 để Cục Thuế tổng hợp hướng dẫn cơ quan thuế địa phương.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./.

Trong trường hợp cần thêm thông tin, Quý Bộ có thể liên hệ với cán bộ xử lý trực tiếp thuộc Ban Chính sách thuế quốc tế (Điện thoại: (024).39712555, số lẻ 4196, Email: nttmai@gdt.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó CTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Lưu: VT, CS. *W*

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ



Nguyễn Thị Thanh Hằng

**BỘ NỘI VỤ
CỤC TIỀN LƯƠNG
VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 515 /CTL&BHXH-CSLĐ
V/v hướng dẫn quy định pháp luật
về cho thuê lại lao động

Kính gửi: Cục Thuế (Bộ Tài chính)

Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội nhận được công văn số 1543/CT-CS ngày 17/3/2026 của Cục Thuế đề nghị hướng dẫn quy định pháp luật về cho thuê lại lao động, sau khi nghiên cứu, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội có ý kiến như sau:

Tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam thì hoạt động sản xuất linh kiện điện tử có mã ngành 261, hoạt động sản xuất thiết bị truyền hình có mã ngành 263.

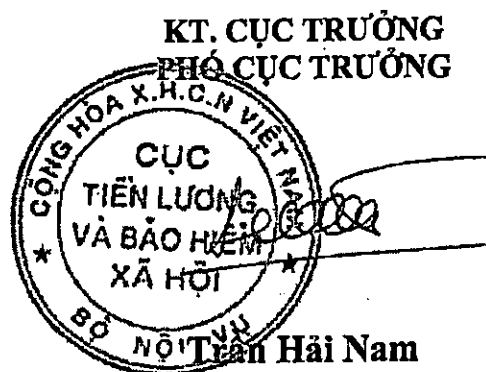
Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động thì doanh nghiệp chỉ được thực hiện cho thuê lại lao động đối với 20 công việc, trong đó có công việc “sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông”.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì hoạt động sản xuất linh kiện điện tử không thuộc danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.

Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội trả lời để Cục Thuế được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Mạnh Khuông (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CSLĐ.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1990 /BKHCN-KHTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

V/v chính sách thuế và hóa đơn đối
với cho thuê lại lao động

Kính gửi: Cục Thuế, Bộ Tài chính

Bộ Khoa học và Công nghệ nhận được Văn bản số 1543/CT-CS ngày 17/03/2026 của Cục Thuế, Bộ Tài chính về chính sách thuế và hóa đơn đối với cho thuê lại lao động. Về nội dung này, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

Danh mục 20 công việc cụ thể được thực hiện cho thuê lại lao động theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, trong đó, không có mục “*sản xuất linh kiện điện tử*”. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xác định hoạt động “*sản xuất linh kiện điện tử*” thuộc danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ kính gửi Cục Thuế để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTTr Thường trực Vũ Hải Quân (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ KHTC;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Quyết Chiến